

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSST
Ngày 05 tháng 9 năm 2022
“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Đỗ Hồng Phúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội V; địa chỉ: số 160, phố L, phường P, quận H, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền ông Đào Đức L, sinh năm 1976 - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y; địa chỉ Khu 3 Đoàn, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, (Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019), (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1963 và bà Dương Thị L, sinh năm 1968; đều có địa chỉ: Khu 2 T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, (ông T, bà L đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 của Ngân hàng chính sách xã hội V cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2007 ông Nguyễn Đức T vay vốn chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho con đi học tại Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y. Số tiền Ngân hàng duyệt cho vay trong tổng thời gian học là 24.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/11/2014;

Cụ thể: Ngày 13/11/2007 ông Nguyễn Đức T được giải ngân lần đầu 4.000.000 đồng. Ngày 14/4/2008 ông Nguyễn Đức T nhận tiền lần hai 4.000.000 đồng. Ngày 25/09/2008 ông Nguyễn Đức T nhận tiền lần ba 4.000.000 đồng. Ngày 27/02/2009 ông Nguyễn Đức T ủy quyền cho bà Dương Thị L nhận tiền lần 4 là 4.000.000 đồng.

Tháng 3/2009, thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng Chính sách xã hội trung ương về việc đối chiếu, đối sổ, thay đổi người đại diện đứng tên ông Nguyễn Đức Toàn vay vốn sang vợ là bà Dương Thị Lan.

Ngày 27/10/2009 Ngân hàng điều chỉnh mức vay theo quyết định số 1344/QĐ-TTg ngày 26/8/2009 lên 4.300.000 trên một kỳ học.

Ngày 27/10/2009, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Dương Thị L 4.300.000 đồng. Ngày 13/5/2010 ngân hàng giải ngân cho bà Dương Thị L, số tiền 4.300.000 đồng.

Tổng dư nợ tiền vay của vợ chồng ông Nguyễn Đức T bà Dương Thị L tính đến ngày 13/5/2010 là 24.600.000 đồng.

Ngày 31/10/2013 bà Dương Thị L trả lãi số tiền là 1.039.644 đồng.

Ngày 10/11/2014 bà Dương Thị L trả cho Ngân hàng 17.300.000 đồng tiền gốc và 7.245.631 đồng tiền lãi, dư nợ gốc sau lần trả này là 7.300.000 đồng.

Ngày 08/5/2015, bà Dương Thị L có đơn xin gia hạn trả nợ gốc số tiền còn lại. Căn cứ văn bản số 2901/NHCS-TDSV ngày 29/08/2012 Ngân hàng đã điều chỉnh ra hạn trả nợ cuối cùng của món vay là ngày 19/8/2015.

Ngày 19/01/2016 bà Dương Thị L trả lãi số tiền là 49.032 đồng.

Thực hiện công văn số 10879/NHCS-HD ngày 26/11/2021 về việc thực hiện giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng CSXH theo quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngày 19/12/2021 bà Dương Thị L được hỗ trợ lãi 9.516 đồng.

Ngày 19/01/2022 bà Dương Thị L được hỗ trợ lãi 4.836 đồng.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Phòng giao dịch NHCSXH huyện đã phối hợp với Tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội nông dân, UBND Thị trấn đã nhiều lần tiến hành đôn đốc Bà Dương Thị L chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nhà

nước theo quy định, nhưng Bà Dương Thị L vẫn không chấp hành trả nợ mặc dù gia đình bà Dương Thị L có đủ điều kiện trả nợ.

Như vậy ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L còn nợ ngân hàng 7.300.000 đồng tiền gốc. Về tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 05/9/2022 ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng 12.663.195 đồng, số lãi đã trả đến ngày 05/9/2022 là 8.348.659 đồng còn nợ lại số tiền lãi là 4.314.536 đồng.

Vậy Phòng giao dịch NHCSXH huyện Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết buộc Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Y số tiền gốc là 7.300.000 đồng, số tiền lãi là 4.314.536 đồng và ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L còn phải tiếp tục trả lãi theo hồ sơ vay vốn kể từ ngày 06/9/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L vắng mặt tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L được Tòa án tổng đạt các Văn bản tố tụng nhưng đều không nhận bất kỳ văn bản nào, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để ông T bà L đến tòa giải quyết vụ án nhưng ông T, bà L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y số tiền gốc 7.300.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2022 là 4.314.536 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng Chính sách xã hội là tổ chức tín dụng ký kết hợp đồng cho ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L vay tổng số tiền 24.600.000 đồng với mục đích hỗ trợ cho con em học tập, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L trả nợ vay ngân hàng, ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L có nơi cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V nên căn cứ theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ thì Ngân hàng chính sách xã hội đã chấp thuận ký 02 hợp đồng tín dụng và giải ngân cho ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L số tiền như sau: (1) Từ ngày 13/11/2007 đến ngày 27/02/2009 Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Đức T 16.000.000 đồng lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 10/11/2014; (2) Từ ngày 27/10/2009 đến ngày 13/5/2010 Ngân hàng giải ngân cho bà Dương Thị L 8.600.000 đồng lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 10/11/2014. Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tính đến ngày xét xử, bị đơn ông T, bà L mới trả được số tiền gốc 17.300.000 đồng còn lại số tiền gốc 7.300.000 đồng và tiền lãi là 4.314.536 đồng chưa thanh toán. Xét thấy khi đến hạn trả nợ, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 Bộ luật

Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách về việc buộc ông T, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 11.614.536 đồng.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí, Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463 và 688 Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 2 Điều 37 luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội V về việc buộc ông Nguyễn Đức Toàn và bà Dương Thị Lan phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y số tiền gốc 7.300.000 (bảy triệu ba trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2022 là 4.314.536 (bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng, tổng cộng là 11.614.536 (mười một triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Chính sách xã hội V không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L phải chịu 580.726 (năm trăm tám mươi nghìn bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Nguyễn Đức T và bà Dương Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- CCTHADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa